

Số: 26 /2020/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

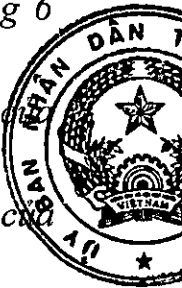
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 573/TTr-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao cho Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Quyết định này thay thế:

a) Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 của Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT, P.TH;
- Lưu: VT, STNMT, dtnt (5b). (88b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Thánh

Trần Minh Thành



**QUY ĐỊNH
Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 26 /2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; thu hồi đất có nguy cơ đe dọa tính mạng con người trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Các nội dung khác về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn lại thực hiện theo quy định của Trung ương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

**Chương II
BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT**

Điều 3. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được bồi thường.

2. Việc bồi thường được thực hiện như sau:

a) Đối với địa phương có quỹ đất thì việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi;

b) Trường hợp địa phương không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.



3. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại trong trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh

Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc xác định chi phí theo thực tế (hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng xác định); căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm thu hồi đất, lập dự toán chi phí đầu tư vào đất gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thẩm định và được thông qua Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thống nhất trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Bồi thường đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đối với hộ gia đình, cá nhân có công với cách mạng

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng việc cho thuê đất mới có cùng diện tích, mục đích sử dụng; nếu không có đất để cho thuê thì được bồi thường bằng tiền bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất nhưng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường bằng tiền theo diện tích bị hạn chế khả năng sử dụng thực tế. Mức bồi thường tính bằng 60% giá trị quyền sử dụng đất đối với đất phi nông nghiệp, tính bằng 30% giá trị quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 7. Bồi thường thiệt hại đối với trường hợp sử dụng đất tạm thời để thi công công trình

Trường hợp sử dụng đất tạm thời để thi công công trình (Nhà nước không thu hồi đất), sau khi hoàn thành công trình trả lại cho người sử dụng đất thì ngoài việc bồi thường thiệt hại tài sản trên đất theo quy định còn được bồi thường về đất như sau:

1. Sử dụng đất tạm thời làm lán trại, bãi tập kết vật tư, thiết bị, máy móc... (không đào lấy đất) được bồi thường bằng 20% giá trị quyền sử dụng đất.
2. Sử dụng đất tạm thời để đào lấy đất phục vụ cho công trình được bồi thường bằng 80% giá trị quyền sử dụng đất.

3. Diện tích bồi thường là diện tích thực tế sử dụng tạm thời; loại đất bồi thường theo mục đích sử dụng; giá đất để tính bồi thường là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm sử dụng đất tạm thời.

Điều 8. Phân chia tiền bồi thường cho các đối tượng đồng quyền sử dụng đất

Việc phân chia tiền bồi thường do các đối tượng đồng quyền sử dụng đất tự thỏa thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật; trường hợp không có văn bản thỏa thuận thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi hướng dẫn các đối tượng đồng quyền sử dụng đất thực hiện việc phân chia theo quy định của pháp luật.

Chương III BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ TÀI SẢN

Điều 9. Bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc có đặc thù riêng

Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hoặc có đặc thù riêng không áp dụng được giá hoặc chưa có trong quy định về đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê đơn vị có chức năng xác định giá trị bồi thường đối với nhà, công trình đó, trình cơ quan quản lý chuyên ngành thẩm định trước khi thông qua Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thống nhất trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu Nhà nước

Người đang sử dụng nhà ở, công trình thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải tháo dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường bằng 100% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 11. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, điện áp đến 220 kv theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một lần như sau:

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường bằng 70% giá trị nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được hỗ trợ bằng 50% giá trị nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt theo đơn giá xây dựng mới do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, tính trên diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không.

2. Trường hợp không đủ điều kiện để tồn tại đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền:

Việc bồi thường đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền khi cần phải cải tạo để đáp ứng điều kiện tồn tại theo quy định về an toàn điện, bị phá dỡ một phần hoặc phải dỡ bỏ, di dời được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

Điều 12. Bồi thường về di chuyển mồ mả

1. Hộ gia đình, cá nhân có mồ mả phải di dời, ngoài việc được bồi thường các chi phí nhân công đào đất, bốc cốt, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và các vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang còn được bố trí đất để cải táng. Trường hợp địa phương không có đất để bố trí thì được bồi thường bằng tiền cụ thể như sau:

a) Mồ mả tại các phường, thị trấn: 15.000.000 đồng/mộ;

b) Mồ mả tại các xã: 10.000.000 đồng/mộ.

2. Đối với mồ mả chưa xác định được chủ, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường có trách nhiệm thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tối thiểu 06 lần, mỗi lần cách nhau 05 ngày; sau khi thực hiện các thủ tục thông báo theo quy định mà không có chủ đến nhận thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hợp đồng với đơn vị phục vụ mai táng tổ chức bốc mộ, cải táng theo chi phí thực tế phát sinh (ưu tiên hình thức hỏa táng) và đưa vào phương án bồi thường để thông qua Hội đồng thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 13. Bồi thường đối với cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không

1. Cây trong hành lang và có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng lưới điện nếu không phải chặt bỏ và cấm trồng theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP hoặc cây ngoài hành lang và có thể vi phạm khoảng cách an toàn theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tỉa cây để đảm bảo an toàn cho lưới điện và thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Mức bồi thường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện một lần đối với một cây theo đơn giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản

Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra; mức bồi thường do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành xác định cho từng trường hợp cụ thể, thông qua Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Bồi thường chi phí di chuyển

Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt như sau:

1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

a) Di chuyển trong phạm vi cấp xã: 7.000.000 đồng/hộ;

b) Di chuyển ngoài phạm vi cấp xã: 10.000.000 đồng/hộ.

2. Đối với tài sản, hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có thể tháo dỡ và di chuyển được thì được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt; trường hợp bị thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt còn được bồi thường theo mức độ thiệt hại thực tế của thiết bị đó.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào giá phổ biến trên thị trường tại thời điểm thu hồi đất để lập dự toán chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất quy định tại khoản 2 Điều này (hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng xác định) gửi cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định để đưa vào phương án bồi thường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 16. Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và chế độ trợ cấp ngừng việc làm khi Nhà nước thu hồi đất

1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Việc hỗ trợ ổn định đời sống cho các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng;

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng;

c) Diện tích đất nông nghiệp thu hồi quy định tại điểm a và điểm b khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó;

d) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30kg gạo cho một nhân khẩu/tháng; giá gạo được tính theo giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ; kinh phí hỗ trợ được đưa vào phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để chi trả;

đ) Đối với hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì việc hỗ trợ ổn định đời sống chỉ tính cho những nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức.

2. Hỗ trợ ổn định sản xuất:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ sản xuất, bao gồm: hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ được tính bằng tiền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm quyết định thu hồi đất;

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh



ng nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế.

c) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP được hỗ trợ ổn định sản xuất theo hình thức bằng tiền như sau:

- Trường hợp nhận giao khoán đất mà do người dân đầu tư vốn thì được hỗ trợ bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất.

- Trường hợp nhận giao khoán đất mà do Nhà nước đầu tư vốn thì được hỗ trợ bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất.

Giá đất để tính hỗ trợ tính theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất, loại đất hỗ trợ là loại đất theo hợp đồng giao khoán sử dụng đất, diện tích hỗ trợ là diện tích đất thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không vượt quá 03 hecta.

3. Hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc làm

Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê lao động theo hợp đồng lao động bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc một lần tính bằng mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ tại thời điểm quyết định thu hồi đất, thời gian tính trợ cấp cho mỗi lao động là 06 tháng.

Điều 17. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Đối tượng được hỗ trợ:

a) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền.

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm

ng nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp.

2. Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhân với hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá 02 hecta.

3. Trường hợp hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất, ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm như sau:

a) Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ xác định như sau:

$$\text{Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ} = \frac{\text{Diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi}}{\text{Số nhân khẩu trong hộ gia đình}} \times \begin{matrix} \text{Số nhân khẩu không} \\ \text{phải là cán bộ, công} \\ \text{chức, viên chức} \end{matrix}$$

Số nhân khẩu trong hộ gia đình là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tính đến thời điểm Nhà nước có thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân đó;

b) Mức hỗ trợ, diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi để tính hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với chủ đầu tư và chính quyền địa phương lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương bị thu hồi đất nông nghiệp có nhu cầu học nghề; phối hợp với các sở, ngành có liên quan bố trí kinh phí trên cơ sở dự toán của các cơ sở đào tạo nghề theo định mức học phí của từng cấp học đã được quy định.

5. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phải tổ chức lấy ý kiến và có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của người có đất thu hồi. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Điều 18. Hỗ trợ di chuyển chỗ ở đối với người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di



chuyển tài sản 3.000.000 đồng/hộ.

Điều 19. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì được hỗ trợ bằng 100% giá đất cùng vị trí, cùng mục đích sử dụng theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; tiền hỗ trợ được nộp vào ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi và chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích.

Điều 20. Hỗ trợ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, có đầu tư và có thành quả lao động trên đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đất đó không có tranh chấp, khi Nhà nước thu hồi đất mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được hỗ trợ như sau:

a) Sử dụng đất từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước 01 tháng 7 năm 2004:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 80% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 70% giá trị quyền sử dụng đất.

b) Sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014:

- Trường hợp không có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền được hỗ trợ bằng 60% giá trị quyền sử dụng đất;

- Trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền nhưng thực tế Nhà nước không quản lý mà người dân vẫn tiếp tục sử dụng được hỗ trợ bằng 50% giá trị quyền sử dụng đất.

c) Các trường hợp có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại tiết 2 điểm a và tiết 2 điểm b khoản này) hoặc người dân không còn tiếp tục sử dụng hoặc các trường hợp sử dụng đất từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 trở về sau không được xem xét hỗ trợ.

2. Giá đất để tính hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều này là giá đất nông nghiệp có cùng vị trí theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Diện tích hỗ trợ là diện tích đất nông nghiệp thực tế bị thu hồi nhưng tối đa không vượt quá 03 hecta.

3. Đối với cây trồng, hoa màu trên đất quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều này được hỗ trợ bằng 100% giá trị theo đơn giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 21. Điều kiện được bố trí tái định cư; nguyên tắc lập, bố trí tái định cư; diện tích giao đất tái định cư, giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lập và thực hiện dự án tái định cư

1. Đối tượng và điều kiện được bố trí tái định cư:

Hộ gia đình, cá nhân, người Việt nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6; khoản 5 Điều 10 và Điều 16 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Nguyên tắc lập, bố trí tái định cư:

a) Khu tái định cư được lập cho một hoặc nhiều dự án; nhà ở, đất ở trong khu tái định cư được bố trí theo nhiều cấp nhà, nhiều mức diện tích khác nhau phù hợp với các mức bồi thường và khả năng chi trả của người được tái định cư;

b) Việc bố trí tái định cư phải được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm sự bình đẳng giữa các đối tượng bị thu hồi đất có cùng điều kiện và quá trình sử dụng đất tương tự như nhau;

c) Trường hợp tại khu vực thu hồi đất có dự án tái định cư hoặc có điều kiện bố trí tái định cư thì ưu tiên vị trí thuận lợi cho người có đất thu hồi sớm bàn giao mặt bằng, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng.

3. Diện tích giao đất ở tại nơi tái định cư:

Stt	Diện tích đất ở bị thu hồi hoặc sạt lở, sụt lún	Diện tích được giao trong khu tái định cư	
		Khu tái định cư ở đô thị	Khu tái định cư ở nông thôn
1	Dưới 45 m ²	45 m ²	60 m ²
2	Từ 45 m ² đến dưới 60 m ²	60 m ²	75 m ²
3	Từ 60 m ² đến dưới 80 m ²	75 m ²	90 m ²
4	Từ 80 m ² đến dưới 100 m ²	90 m ²	100 m ²
5	Từ 100 m ² trở lên	100 m ²	120 m ²

4. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các chi phí mà Nhà nước đã bỏ ra để đầu tư xây dựng khu tái định cư chia cho diện tích đất thực tế được sử dụng kể cả diện tích đất mà Nhà nước giao hoặc hoán đổi cho các tổ chức trong khu tái định cư (nếu có).

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong việc lập và thực hiện dự án tái định cư:

a) Tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư trước khi thu hồi đất. Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng phải bảo đảm có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất;

b) Việc lập dự án tái định cư, lựa chọn chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư và phải bảo đảm các quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 69 của Luật Đất đai.

Điều 22. Suất tái định cư tối thiểu

1. Suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở, nhà ở hoặc bằng nhà ở hoặc bằng tiền để phù hợp với việc lựa chọn của người được bố trí tái định cư.

2. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng đất ở thì diện tích đất ở tái định cư được tính bằng 45 mét vuông đối với đô thị (phường, thị trấn), tính bằng 60 mét vuông đối với nông thôn (xã).

3. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được quy định bằng nhà ở thì diện tích nhà ở tái định cư không nhỏ hơn diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

4. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho suất tái định cư tối thiểu tương đương với giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở tại nơi tái định cư. Giá trị suất tái định cư tối thiểu được tính bằng công thức sau:

$$GT_{stdc} = S_n \times G_{tdc}.$$

Trong đó:

GT_{stdc} : là giá trị suất tái định cư tối thiểu.

S_n : là diện tích đất tái định cư tối thiểu.

G_{tdc} : là giá đất tại khu tái định cư tính cho mỗi mét vuông (đồng/m²).

Giá trị suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản này chỉ được thực hiện khi có giá đất cụ thể của khu tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 23. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải di chuyển chỗ ở

1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 4, Điều 22 của Quy định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư; khoản tiền hỗ trợ tái định cư được tính bằng công thức sau:

$$T_{ht} = S_{ht} \times M_{dtht}.$$

Trong đó:

T_{ht} : là tiền hỗ trợ tái định cư tự lo chỗ ở.

S_{ht} : là diện tích được tính hỗ trợ.

M_{dtht} : là định mức phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật/m² đất tái định cư.



3. Định mức diện tích đất tính hỗ trợ (S_{ht}) nêu tại khoản 2 Điều này căn cứ vào diện tích đất ở bị thu hồi và được tính hỗ trợ như sau:

Stt	Diện tích đất ở bị thu hồi	Mức hỗ trợ
1	Dưới 45 m ²	45 m ²
2	Từ 45 m ² đến dưới 60 m ²	60 m ²
3	Từ 60 m ² đến dưới 80 m ²	75 m ²
4	Từ 80 m ² đến dưới 100 m ²	90 m ²
5	Từ 100 m ² trở lên	100 m ²

4. Khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện khi có giá đất cụ thể của khu tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 24. Các trường hợp được Nhà nước giao đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao một nền đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở tái định cư.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc đất do lấn, chiếm, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao một nền đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất hoặc bán nhà ở tái định cư.

3. Diện tích đất ở để tái định cư quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính bằng 45 mét vuông đối với đô thị (phường, thị trấn) và bằng 60 mét vuông đối với nông thôn (xã).

4. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất quy định tại Điều này được tính bằng giá đất ở tại khu tái định cư quy định tại khoản 4 Điều 21 của Quy định này.

5. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định tại thời điểm được bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở. Diện tích nhà ở theo thiết kế xây dựng của căn hộ nhưng không nhỏ hơn diện tích căn hộ tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Điều 25. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Ngoài việc hỗ trợ quy định tại Điều 16, 17, 18, 19, 20 và Điều 23 của Quy định này, căn cứ vào tình hình thực tế của từng huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi.

2. Khi lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp các trường hợp cần phải hỗ trợ khác trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Giao nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm:

- a) Tổ chức phát triển quỹ đất.
- b) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các huyện, thành phố (sau đây gọi là Hội đồng bồi thường cấp huyện).

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm:

- a) Đại diện cơ quan tài nguyên và môi trường;
- b) Đại diện Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có);
- c) Đại diện cơ quan tài chính - kế hoạch;
- d) Đại diện cơ quan kinh tế - hạ tầng hoặc quản lý đô thị;
- đ) Đại diện cơ quan nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- e) Đại diện cơ quan lao động - thương binh và xã hội;
- g) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có đất bị thu hồi;
- h) Đại diện của những hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất;
- i) Một số thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

Hội đồng bồi thường được thành lập để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn cấp huyện. Hội đồng bồi thường làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; Chủ tịch Hội đồng bồi thường được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi có dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc giải phóng mặt bằng, giải quyết khiếu nại; tổ chức cưỡng chế (nếu có).

Điều 27. Thẩm quyền thu hồi đất, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi đất:

- a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất (trừ trường hợp quy định tại điểm đ, điểm e, khoản 1, Điều 65 Luật Đất đai);
- b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai.

c) Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 66 Luật Đất đai: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi đất.

- Thời hạn ủy quyền: 36 tháng, kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất.

- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm:

+ Thực hiện đúng nội dung và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được ủy quyền; không được ủy quyền tiếp cho cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền;

+ Thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật;

+ Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) đối với trường hợp khi hết thời hạn ủy quyền mà chưa thực hiện xong việc thu hồi đất để thực hiện dự án.

2. Thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường (Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường) chủ trì, phối hợp với các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng hoặc Quản lý đô thị và các phòng, ban có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định thu hồi đất và trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định thu hồi đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày.

4. Căn cứ phương án bồi thường được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi đất hoặc nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất.

5. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Chi cục Quản lý đất đai) để theo dõi, kiểm tra.

Điều 28. Quy định về bàn giao đất

1. Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày được thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì người có đất bị thu hồi phải bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Việc bàn giao đất giữa tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và người có đất bị thu hồi phải lập thành biên bản và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi. Trường hợp người được nhận bồi thường ủy quyền cho người khác nhận tiền bồi thường thì phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích như sau:

1. Trích 2% trên tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án đối với phương án có tổng kinh phí bồi thường nhỏ hơn hoặc bằng 50 tỷ đồng.

2. Đối với phương án có tổng kinh phí bồi thường lớn hơn 50 tỷ đồng trở lên thì phần chênh lệch tăng thêm được trích như sau:

a) Đối với phương án có tổng kinh phí bồi thường từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, phần chênh lệch tăng thêm được trích 1,6% trên kinh phí bồi thường tăng thêm;

b) Đối với phương án có tổng kinh phí bồi thường từ trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, phần chênh lệch tăng thêm được trích 1,2% trên kinh phí bồi thường tăng thêm;

c) Đối với phương án có tổng kinh phí bồi thường từ trên 200 tỷ đồng đến 300 tỷ đồng, phần chênh lệch tăng thêm được trích 0,8% trên kinh phí bồi thường tăng thêm;

d) Đối với phương án có tổng kinh phí bồi thường từ lớn hơn 300 tỷ đồng trở lên, phần chênh lệch tăng thêm được trích 0,5% trên kinh phí bồi thường tăng thêm.

3. Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư; dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường được lập dự toán kinh phí tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án theo khối lượng công việc thực tế và mức trích không khống chế tỷ lệ 2% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án.

4. Căn cứ mức kinh phí được trích cụ thể của từng dự án, tiểu dự án, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường xác định kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất không quá 10% kinh phí quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này để tổng hợp vào dự toán chung.

5. Trường hợp thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện các dịch vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kinh phí trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ nằm trong dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 30. Mức trích; nội dung chi; mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất

1. Mức trích cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

a) Đối với phương án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

- Trích 15% kinh phí chuyển về tài khoản tiền gửi của Sở Tài nguyên và Môi trường để chi cho các nội dung quy định tại tiết 1, 3, 5, 8, 9, 10 điểm a, khoản 2 Điều này;

- Còn lại 85% kinh phí do Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Đối với phương án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt:

- Trích 3% kinh phí chuyển về tài khoản tiền gửi của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hợp xử lý vướng mắc về giá đất bồi thường hoặc xin chủ trương về giá đất bồi thường.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường thì kinh phí 3% được chuyển về tài khoản tiền gửi của Ủy ban nhân dân hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện để chi cho công tác xác định giá đất cụ thể, hợp xử lý vướng mắc về giá đất bồi thường;

- Trích 17% kinh phí chuyển về tài khoản tiền gửi của Phòng Tài nguyên và Môi trường (Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường) để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này;

- Còn lại 80% kinh phí do Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

a) Nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan đến quyết định thu hồi đất;

- Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác;

- Chi cho công tác xác định giá đất bao gồm trường hợp thuê tư vấn xác định giá đất, xác định hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường (nếu có), thẩm định giá



đất cụ thể; xác định giá tài sản gắn liền với đất phục vụ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Chi lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán các chỉ tiêu bồi thường đến khâu phê duyệt phương án bồi thường, thông báo công khai phương án bồi thường;

- Chi cho việc thẩm định nội nghiệp, ngoại nghiệp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có);

- Chi thuê nhân công thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có);

- Chi cho công tác kiểm tra, hướng dẫn thực hiện quy định về bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Chi cho trường hợp thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện các dịch vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

- Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Nội dung chi cho công tác tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

- Chi phí thông báo, tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm, quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

- Chi phí mua nguyên liệu, nhiên liệu, thuê phương tiện, thiết bị bảo vệ, y tế, phòng chống cháy nổ, các thiết bị, phương tiện cần thiết khác phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất;

- Chi phục vụ công tác tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất;

- Chi phí niêm phong, phá, tháo dỡ, vận chuyển tài sản; di chuyển người bị cưỡng chế và người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế, chi thuê địa điểm, nhân công, phương tiện bảo quản tài sản và các khoản chi phí thực tế hợp pháp khác phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện bảo quản tài sản khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản không thanh toán;

- Chi cho công tác quay phim, chụp ảnh phục vụ cho việc thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất;

- Chi phí bảo vệ, chống tái chiếm đất sau khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của thửa đất cưỡng chế thu hồi đến thời điểm hoàn thành việc giải phóng mặt bằng;

- Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất.

3. Mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất và công tác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường:

a) Chi cho các thành viên trực tiếp tham gia thẩm định ngoại nghiệp, phúc tra phương án bồi thường, thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất, xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường: 150.000 đồng/ngày/thành viên;

b) Chi cho các thành viên tham gia thẩm định nội nghiệp phương án bồi thường, thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hợp xin chủ trương về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; vận động thuyết phục người có đất bị thu hồi thực hiện quyết định thu hồi đất, bàn giao đất: 100.000 đồng/cuộc/thành viên;

c) Chi cho các thành viên tham gia thẩm định phương án bồi thường: 200.000 đồng/phương án/thành viên.

4. Đối với các nội dung chi đã có định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo chế độ hiện hành.

5. Các khoản chi phải có danh sách, chữ ký của người nhận.

6. Trong trường hợp tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng phải thuê văn phòng làm việc, thuê tàu, xe phục vụ công tác thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và pháp luật về đấu thầu.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân

1. Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với các cơ quan nhà nước, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trong quá trình điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, người có đất bị thu hồi có trách nhiệm nộp bản gốc các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai làm thủ tục chỉnh lý, cấp đổi giấy chứng nhận (nếu có) đối với phần diện tích đất không bị thu hồi hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thu hồi hết diện tích đất.

3. Bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định.

4. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 32. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cùng các ngành liên quan xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giá đất tái định cư thông qua Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh theo quy định;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan giải quyết những vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Hướng dẫn các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với người sử dụng đất phải di chuyển đến địa điểm mới do bị thu hồi đất.

2. Sở Tài chính:

a) Thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, giá đất ở tái định cư do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, thông qua Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trì phối hợp với cơ quan thuế và các sở, ngành liên quan giải quyết những vướng mắc về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người bị thu hồi đất đối với Nhà nước.

3. Sở Xây dựng:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Thẩm định dự toán chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại các công trình xây dựng là nhà xưởng, kho tàng, công trình cấp thoát nước và các công trình xây dựng khác khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan giải quyết các vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất là nhà, vật kiến trúc và các công trình xây dựng khác.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính cân đối và bố trí kế hoạch vốn đầu tư đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường, giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư; hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định mật độ cây trồng, vật nuôi vật nuôi là thủy sản trên đất có mặt nước và chi phí đầu tư vào đất nông nghiệp;

b) Thẩm định dự toán bồi thường hoặc xây dựng lại đối với công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình thủy lợi, công trình lâm sinh; thẩm định giá trị bồi

thường đối với tài sản là rừng, hồ trợ giống cây trồng, vật nuôi khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

6. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm xác định phạm vi, ranh giới hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn; thẩm định dự toán bồi thường chi phí di dời và lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình giao thông khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

7. Sở Công Thương có trách nhiệm thẩm định dự toán bồi thường chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình điện khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

8. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thẩm định dự toán bồi thường chi phí di dời, lắp đặt, xây dựng lại các công trình hạ tầng kỹ thuật là công trình thông tin liên lạc khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có yêu cầu.

9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hướng dẫn việc lập, thực hiện phương án đào tạo nghề cho thành viên các hộ gia đình bị thu hồi đất trong độ tuổi lao động có nhu cầu học nghề; thẩm định phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

10. Cục Thuế tỉnh xác nhận hoặc chỉ đạo Chi cục thuế các huyện, thành phố, Chi cục thuế khu vực xác nhận mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải ngừng sản xuất kinh doanh do bị thu hồi đất để làm cơ sở tính mức hỗ trợ ổn định sản xuất.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn do địa phương mình quản lý;

b) Ban hành kế hoạch thu hồi đất, thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất đối với trường hợp thuộc thẩm quyền và trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền quyết định thu hồi đất;

c) Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỉ đạo việc lập, tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Phê duyệt và chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý của các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thuộc thẩm quyền;

đ) Được thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Ủy ban nhân dân cấp huyện, lập thủ tục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra trình Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định.

12. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi:

a) Chủ trì, phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất của Nhà nước;

b) Phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng: điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh số liệu làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ; niêm yết công khai phương án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật; gửi thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi;

c) Chịu trách nhiệm về xác nhận các nội dung: tình trạng sử dụng đất của người bị thu hồi đất, mục đích sử dụng đất, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và tài sản trên đất. Xác minh về hộ khẩu, nhân khẩu cư trú tại nơi thu hồi đất, đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp và các chính sách hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân.

13. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Xây dựng kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; chủ trì lập và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, sự phù hợp với chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức họp dân lấy ý kiến và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giải đáp những ý kiến thắc mắc của người bị thu hồi đất liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Niêm yết công khai quyết định phê duyệt kèm phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi;

đ) Trực tiếp hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho người dân về những vấn đề liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

e) Tiếp nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển cho Văn phòng Đăng ký đất đai làm thủ tục chính lý, cấp đổi giấy chứng nhận (nếu có) đối với phần diện tích đất không bị thu hồi hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thu hồi hết diện tích đất.

14. Trách nhiệm chủ đầu tư dự án:

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự án và bàn giao mốc giải phóng mặt bằng cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;



b) Phối hợp chặt chẽ với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất;

c) Phối hợp với chính quyền địa phương và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định vị trí đất tái định cư để thực hiện dự án trước khi xây dựng kế hoạch thu hồi đất;

d) Bảo đảm đủ nguồn kinh phí chi trả đúng thời gian theo quy định sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Quy định chuyển tiếp

Đối với những dự án đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng hoặc điều chỉnh lại theo Quy định này. Việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *Done*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lâm Minh Thành